

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/HNGĐ-ST
Ngày 29-4-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Minh Luân**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Quốc Toàn**

2. Bà **Phạm Hồng Ân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Văn Thị Vẹn** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:
Ông **Huỳnh Văn Kì** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 278/2020/TLST-HNGĐ ngày 15/10/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Trúc M**, sinh năm: 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

2. *Bị đơn:* Ông **Võ Văn N**, sinh năm: 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 10 năm 2020 nguyên đơn bà Nguyễn Trúc M trình bày:

Bà Nguyễn Trúc M và ông Võ Văn N chung sống với nhau năm 2012 đến năm 2017 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện P, tỉnh C. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, sống không hạnh phúc, vợ chồng không thể đoàn tụ nên bà M yêu cầu được ly hôn với ông N. Bà M và ông N có 02 con chung là Võ Minh K, sinh ngày 22/12/2013; Võ Minh T, sinh ngày 01/4/2017 bà M đang nuôi dưỡng. Bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu

ông N cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: không có không yêu cầu xem xét.

Bị đơn ông Võ Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông N vẫn vắng mặt và không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự: Vụ án từ khi thụ lý đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Về nội dung đề nghị: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Trúc M; Con chung: Giao con chung là Võ Minh K, sinh ngày 22/12/2013, Võ Minh T, sinh ngày 01/4/2017 cho bà M nuôi dưỡng, ông N không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: Bà M xác định không có, không yêu cầu nên xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Võ Văn N có nơi cư trú tại huyện P, nguyên đơn bà Nguyễn Trúc M kiện xin ly hôn với ông Võ Văn N nên Tòa án nhân dân huyện P thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đối với ông Võ Văn N nhưng ông N vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Bà M có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N là phù hợp với quy định.

[2] Xét về hôn nhân: Bà Nguyễn Trúc M và ông Võ Văn N chung sống với nhau năm 2012, đến năm 2017 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện P, tỉnh C. Được thể hiện tại Giấy chứng nhận kết hôn số 100/2017, ngày 11/9/2017 do Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện P, tỉnh C cấp, đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Trúc M và ông Võ Văn N được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nguyên đơn bà M xác định mâu thuẫn dẫn đến ly hôn do bất đồng quan điểm sống, sống không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với ông N. Bị đơn ông N không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, phía nguyên đơn cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của nguyên đơn nên không có căn cứ chấp nhận đây là nguyên nhân mâu thuẫn để xem xét cho ly hôn. Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bà M vẫn giữ y yêu cầu xin ly hôn với ông N và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn. Đồng thời khẳng định đời sống hôn nhân không thể duy trì, mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ. Trường hợp tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà M với ông N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Trúc M là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Xét về con chung: Bà M và ông N có 02 con chung là Võ Minh K, sinh ngày 22/12/2013; Võ Minh T, sinh ngày 01/4/2017 bà M đang nuôi dưỡng, bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung sau khi ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con chưa thành niên cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn phải xem xét đến nguyện vọng của con chung vì cháu Võ Minh K hiện nay đã trên 07 tuổi thì phải xem xét nguyện vọng của cháu. Tại bản tự khai ngày 12/4/2021 nguyện vọng của cháu K sống với bà M. Đối với cháu Võ Minh T hiện nay còn nhỏ được bà M trực tiếp nuôi dưỡng, bị đơn ông N không có ý kiến gì về con chung. Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao 02 con chung là Võ Minh K, sinh ngày 22/12/2013; Võ Minh T, sinh ngày 01/4/2017 cho bà Nguyễn Trúc M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Xét về cấp dưỡng nuôi con: Bà M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Xét về tài sản chung, nợ chung: Bà M xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Xét về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn bà Nguyễn Trúc M phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Trúc M, bà M được ly hôn với ông Võ Văn N.

Về con chung: Giao Võ Minh K, sinh ngày 22/12/2013; Võ Minh T, sinh ngày 01/4/2017 cho bà M nuôi dưỡng, ông N không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông N có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở ông N thực hiện quyền này.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình bà Nguyễn Trúc M phải chịu 300.000 đồng. Bà M có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012071 ngày 13/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh C được chuyển thu.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- UBND nơi cấp GCNKH;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Minh Luân